

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2- CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 19/2025/DS-ST

Ngày: 12 - 8 - 2025

“V/v tranh chấp hợp đồng góp hội”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Cương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quốc Văn
Bà Hồ Lệ Hoa

- Thư ký phiên tòa Bà Phạm Thị Phượng Kiều - là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2- Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2025, về việc “tranh chấp hợp đồng góp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng N, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp CSN, xã BB, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Trịnh Văn C (vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp CSN, xã BB, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Hồng N trình bày tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa như sau:

Vào thời gian năm 2020 bà có thành lập tổ góp vốn (mở hội) với nhiều dây hội khác nhau. Do mối quan hệ là hàng xóm nên vợ chồng ông Trịnh Văn C và bà Nguyễn Thị M tham gia 03 dây hội cụ thể:

Dây thứ nhất: Mở hội ngày 04/9/2020 (âm lịch), loại hội 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, dây hội này gồm có 32 chung, trong đó ông C, bà M tham gia 01 chung. Dây hội này ông C và bà M hót hội, còn nợ lại 18 kỳ với số tiền là 36.000.000 đồng.

Dây thứ hai: Loại hội 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, mở hội ngày 13/11/2020 (âm lịch), dây hội này gồm có 36 chung hội, trong đó ông C, và bà M tham gia 01 chung, đã hót hội và còn nợ lại 29 kỳ với số tiền là 29.000.000 đồng.

Dây thứ ba: Loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, mở hụi ngày 13/11/2020 (âm lịch), dây hụi này gồm có 36 chung hụi, trong đó ông C và bà M tham gia 01 chung. Dây hụi này ông C, bà M hốt hụi còn nợ lại đóng hụi chết 28 kỳ với số tiền 28.000.000 đồng.

Các dây hụi trên khi ông C và bà M hốt hụi bà đều đã giao đủ tiền hụi cho ông C và bà M nhưng khi hốt hụi xong thì ông C và bà M không đóng hụi chết cho bà tổng cộng là 93.000.000 đồng. Trong quá trình nợ ông C và bà M đã thanh toán được cho bà 61.000.000 đồng. Ông C và bà M còn nợ lại 32.000.000 đồng. Sau đó tháng 02/2024 bà M có làm biên nhận chốt nợ lại là 32.000.000 đồng và cam kết trả 1.500.000 đồng vào ngày 04 âm lịch hàng tháng nhưng vẫn không thực hiện.

Nay bà khởi kiện yêu cầu ông C và bà M liên đới lại cho bà số tiền nợ hụi là 32.000.000 đồng.

Bị đơn ông Trịnh Văn C và bà Nguyễn Thị M trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông C và bà M vắng mặt không lý do, ông C, bà M cũng không có văn bản, ý kiến gửi đến Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông C khước từ không nhận văn bản tố tụng của Tòa án nhưng cũng không trình bày lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và loại việc các bên tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ góp hụi nên tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng góp hụi (họ). Bị đơn có địa chỉ cư trú xã BB, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2- Cà Mau theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trịnh Văn C và bà Nguyễn Thị M mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng tại phiên tòa hôm nay vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Tranh chấp giữa nguyên và bị đơn đặt ra được xác định là giao dịch về hụi. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn khai bị đơn có tham gia 03 dây hụi do nguyên đơn mở loại hụi 1.000.000 đồng và hụi 2.000.000 đồng. Cả 03 chân hụi này bị đơn ông Trịnh Văn C và bà Nguyễn Thị M đều đã hốt, nhưng còn nợ lại hụi chết tính đến mãn hụi năm 2023 là 93.000.000 đồng, sau đó bị đơn đã thanh toán 61.000.000 đồng, còn nợ lại và làm biên nhận đối chiếu nợ vào tháng 02/2024 là 32.000.000 đồng. Hiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 32.000.000 đồng. Bị đơn không có văn bản ý kiến.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn có tham gia 03 chân hụi do nguyên đơn làm chủ theo các giấy tờ hụi nguyên đơn cung cấp là có thật. Cả 03 chân hụi này nguyên đơn xác định bị đơn đều đã hốt hụi và còn nợ lại hụi chết thể hiện tại biên nhận đối chiếu nợ có chữ viết và chữ ký của bị đơn số tiền nợ là 32.000.000 đồng, hiện bị đơn cũng không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Hơn nữa đối chiếu các dây hụi, thời gian hốt hụi của bị đơn thì số tiền hụi chết ở từng dây hụi là phù hợp với chứng cứ và lời trình bày của nguyên đơn. Cho nên, có căn cứ xác định khi đối chiếu nợ bị đơn còn nợ hụi nguyên đơn 32.000.000 đồng là có cơ sở. Tại biên nhận nợ bị đơn có cam kết trả cho nguyên đơn mỗi tháng 1.500.000 đồng

nhưng hiện bị đơn không có văn bản ý kiến gì về việc sau khi chốt nợ có thanh toán cho nguyên đơn khoản nào nữa hay không, nguyên đơn xác định bị đơn không có thanh toán theo cam kết.

Vì vậy, từ những căn cứ và phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm thanh toán: Đối với giao dịch góp hui biên nhận hui do bị đơn là bà M trực tiếp giao dịch với nguyên đơn bà N, nhưng bà N xác định bà M và ông C là vợ chồng, quá trình góp hui ông C và bà M cùng sống chung nhà, nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Nên căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân gia đình “Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới với giao dịch do một bên thực hiện”. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc ông C và bà M liên đới thanh toán nợ hui 32.000.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về lãi hui chậm thanh toán nguyên đơn không đặt ra yêu cầu bị đơn thanh toán nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị đơn có nghĩa vụ thực hiện việc thanh toán nợ cho nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật; nguyên đơn không phải chịu án phí, được nhận lại tạm ứng án phí đã dự nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Trịnh Văn C và bà Nguyễn Thị M liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Hồng N tổng số tiền nợ hui là 32.000.000đ (*Ba mươi hai triệu đồng*).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không tự nguyện thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Trịnh Văn C, bà Nguyễn Thị M phải chịu 1.600.000 đồng (chưa nộp). Bà Nguyễn Hồng N không phải nộp án phí, bà N đã dự nộp tạm ứng án phí 800.000 đồng theo biên lai 0022280 vào ngày 01/4/2025 được nhận lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 2- Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 2- Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN
(Đã ký)**

Phạm Kim Cương